

Số: /BC-UBND

TP. Thanh Hoá, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Ước thực hiện thu NSNN; thu, chi NSDP 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố khoá XXII, kỳ họp thứ 4: số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 về việc phê chuẩn dự toán thu NSNN; thu, chi NSDP năm 2022 và số 38/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 về việc phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách thành phố Thanh Hóa năm 2022;

UBND thành phố báo cáo kết quả triển khai tổ chức thực hiện với kết quả cụ thể như sau:

I. Ước thực hiện thu, chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2022:

1. Về thu NSNN và thu NSDP:

1.1. Thu NSNN:

- Dự toán tỉnh giao: **2.501.173 triệu đồng.**
- Dự toán thành phố giao: **3.112.606 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện 9 tháng đầu năm đạt: **2.399.277 triệu đồng;** đạt 96% dự toán tỉnh; 77% dự toán thành phố giao. *Cụ thể:*

a. Thu thường xuyên ước đạt: 906.619 triệu đồng; đạt 92% dự toán tỉnh; 87% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*

- Phần Cục thuế thu trên địa bàn thành phố ước đạt: 85.627 triệu đồng; đạt 67% dự toán tỉnh và 65% thành phố giao.

- Phần Chi cục Thuế quản lý thu ước đạt: 790.973 triệu đồng; đạt 97% dự toán tỉnh; 90% dự toán thành phố giao.

- Thu tại xã và thu khác ngân sách ước đạt: 30.019 triệu đồng; đạt 78% dự toán tỉnh và 73% thành phố giao.

b. Thu tiền sử dụng đất ước đạt: 1.257.658 triệu đồng; đạt 109% dự toán tỉnh giao; 74% dự toán thành phố giao. Bao gồm cả số ghi thu – ghi chi ngân sách tỉnh phát sinh trên địa bàn là 200.000 triệu đồng.

c. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên ước đạt: 235.000 triệu đồng; đạt 64% dự toán tỉnh và thành phố giao.

(Chi tiết theo Biểu 01 kèm theo)

1.2. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:

- Dự toán tỉnh giao: **1.912.091 triệu đồng.**
- Dự toán thành phố giao: **2.420.913 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện 9 tháng đầu năm đạt: **1.622.851 triệu đồng;** đạt 84,9% dự toán tỉnh giao; 67% so với dự toán thành phố giao. Bao gồm: Thu thường xuyên 714.002 triệu đồng; Thu tiền sử dụng đất 673.849 triệu đồng và Thu bổ sung cân đối 235.000 triệu đồng.

2. Thu, chi ngân sách cấp thành phố:

2.1. Thu điều tiết ngân sách cấp thành phố:

- Dự toán thành phố giao: **2.254.312 triệu đồng.**
- Kết quả ước thực hiện 9 tháng đầu năm đạt: **1.495.661 triệu đồng;** đạt 66% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - + Thu điều tiết từ nguồn thu thường xuyên ngân sách cấp thành phố ước đạt: 666.855 triệu đồng; đạt 77% dự toán thành phố giao.
 - + Thu điều tiết tiền từ nguồn thu tiền sử dụng đất ước đạt: 593.806 triệu đồng; đạt 58% dự toán thành phố giao.
 - + Thu bổ sung cân đối ngân sách ước đạt: 235.000 triệu đồng, đạt 64% dự toán tỉnh và thành phố giao.

2.2. Chi ngân sách thành phố:

- Dự toán giao: **2.254.312 triệu đồng;**
- Kết quả ước thực hiện 9 tháng đầu năm: **1.258.621 triệu đồng;** đạt 55,3% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*
 - + Chi đầu tư: 375.000 triệu đồng; đạt 36,6% dự toán thành phố giao
 - + Chi thường xuyên: 794.105 triệu đồng; đạt 73,6% dự toán thành phố giao.
 - + Chi bổ sung cân đối ngân sách phường, xã: 89.516 triệu đồng; đạt 75% dự toán thành phố giao.
 - + Chi từ nguồn dự phòng ngân sách ước đạt 3.735 triệu đồng; đạt 19,5% dự toán thành phố giao.

(Chi tiết theo Biểu 01 và Biểu 02 kèm theo)

2.3. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách thành phố:

- Dự toán giao: **19.109 triệu đồng;**
- Số thực hiện 9 tháng đầu năm: **3.735 triệu đồng;** đạt 19,5% dự toán thành phố giao.

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

3. Thu, chi ngân sách các phường xã trên địa bàn thành phố:

3.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Dự toán thành phố giao: **586.633 triệu đồng.**

- Kết quả ước thực hiện 9 tháng đầu năm đạt: **641.364 triệu đồng**; đạt 109% dự toán thành phố giao. *Trong đó:*

+ Thu thường xuyên ước đạt: 390.156 triệu đồng; đạt 110,8% dự toán thành phố giao.

+ Thu tiền sử dụng đất ước đạt: 78.842 triệu đồng; đạt 69% dự toán thành phố giao.

+ Thu bổ sung ngân sách cấp trên ước đạt: 172.366 triệu đồng. Trong đó thu bổ sung cân đối ước đạt 89.516 triệu đồng, đạt 75% dự toán tỉnh và thành phố giao.

3.2. Thu điều tiết ngân sách phường, xã

- Dự toán thành phố giao: **285.957 triệu đồng**.

- Kết quả ước thực hiện 9 tháng đầu năm đạt: **296.293 triệu đồng**; đạt 104% so với dự toán thành phố giao, *bao gồm:* thu tiền sử dụng đất 78.842 triệu đồng, thu thường xuyên 45.085 triệu đồng, thu chuyển giao ngân sách 172.366 triệu đồng.

3.3. Chi ngân sách phường, xã:

- Dự toán giao: **285.957 triệu đồng**.

- Kết quả ước thực hiện: **247.312 triệu đồng**; đạt 86% dự toán giao.

(Chi tiết theo Biểu 03 và Biểu 04 kèm theo)

4. Nhận xét chung:

4.1. Kết quả đạt được:

*** Về thu ngân sách:**

- Về thu thường xuyên: Trong 9 tháng đầu năm, kết quả ước thực hiện thu NSNN và thu điều tiết NSTP đạt kết quả cao so với dự toán giao. Trong đó, một số khoản thu có tỷ trọng lớn trong tổng thu có số thu đạt cao so với dự toán thành phố giao như:

+ Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh ước đạt 363.401 triệu đồng; đạt 99,8% thành phố giao.

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 136.612 triệu đồng; đạt 130% thành phố giao.

- Về thu tiền sử dụng đất: Mặc dù kết quả đấu giá quyền sử dụng đất của thành phố còn hạn chế; tuy nhiên, kết quả thực hiện 9 tháng đã đạt và vượt dự toán tỉnh giao; ước thực hiện cả năm sẽ hoàn thành dự toán được HĐND thành phố giao; tạo tiền đề cho việc triển khai thực hiện Nghị quyết 303/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Thanh Hóa.

- Về thu ngân sách các phường, xã trên địa bàn thành phố: Thu NSNN trên địa bàn các phường, xã về tổng thể đã đạt và vượt dự toán thành phố giao.

Tổng thu điều tiết phần thu thường xuyên ngân sách phường, xã đạt cao so với dự toán được giao.

*** Về chi ngân sách:**

Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nguồn thu điều tiết ngân sách địa phương được hưởng theo quy định. Các đơn vị thụ hưởng ngân sách chủ động thực hiện tiết kiệm chi ngân sách, nhất là chi thường xuyên ngân sách; hạn chế kinh phí hội họp, tiếp khách; tập trung nguồn lực để đảm bảo chi cho các nhiệm vụ thiết yếu. Bố trí nguồn chi hỗ trợ người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2020 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ; các chế độ an sinh xã hội, lương phụ cấp cho cán bộ công nhân viên, người lao động cũng như kinh phí đảm bảo cho công tác phòng chống dịch Covid-19 được đảm bảo.

UBND thành phố đã chủ động điều hành chi NSTP đảm bảo theo đúng Nghị quyết của HĐND thành phố giao và trên cơ sở nguồn thu NSNN, thu điều tiết NSTP 9 tháng đầu năm 2022 của thành phố.

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a. Về thu ngân sách

- Số thu NSNN trên địa bàn đạt cao so với dự toán tỉnh giao (96%) giao nhưng số thu điều tiết ngân sách thành phố chỉ đạt 66%. Trong đó, thu thường xuyên ước đạt 77%; thu tiền sử dụng đất ước đạt 58%. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn thu điều tiết tiền sử dụng đất còn đạt thấp so với dự toán được giao. Mặt khác, hầu hết các chứng từ thu thuế XDCB vãng lai trên địa bàn thành phố hiện đang thực hiện điều chỉnh về tỷ lệ điều tiết tại KBNN nên dẫn đến số thu điều tiết ngân sách thành phố còn đạt thấp so với dự toán được giao.

- Số thu tiền sử dụng đất tại các dự án do thành phố thực hiện đấu giá còn thấp, 9 tháng đầu năm thành phố đấu giá thành công 04 mặt bằng với tổng số thu tiền sử dụng đất là 295.472 triệu đồng, đạt 12,8% kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022. Nguyên nhân chính là do tiến độ GPMB và đầu tư HTKT các mặt bằng đấu giá còn chậm. Mặt khác là do nguồn thu tiền sử dụng đất của thành phố 9 tháng đã vượt dự toán tỉnh giao và dự báo sẽ hoàn thành dự toán được HĐND thành phố giao; bên cạnh đó là việc ưu tiên dành nguồn lực để thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố nên tiến độ đấu giá đã được giãn và chuyển sang thực hiện trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

- Thu điều tiết ngân sách phường, xã còn một số đơn vị đạt thấp so với dự toán được giao (đạt dưới 70% dự toán HĐND thành phố giao) như: Thiệu Khánh 41%; Hàm Rồng 44%; Ngọc Trạo 48%; Hoàng Quang 53%; Trường Thi 55%; Đông Sơn 57%; Đông Thọ 64%, Đông Tân 65%; Quảng Hưng 66%;

Thiệu Vân 66%, An Hưng 68%; Đông Lĩnh 68%; Lam Sơn 69%. Trong đó chủ yếu đạt thấp ở 02 sắc thuế là tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác chỉ đạo tại một số phường, xã chưa thực sự quyết liệt. Cùng với đó là việc triển khai các quy định về gia hạn nộp tiền thuê đất; miễn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn.... Bên cạnh đó là việc chậm trễ trong việc thiết lập sổ bộ thuế đối với khoản thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp cũng làm cho thu điều tiết ngân sách của một số phường, xã 9 tháng đạt thấp so với dự toán giao do chưa thu được khoản thu này; trách nhiệm chính trong việc này thuộc về Chi cục Thuế khu vực thành phố Thanh Hóa – Đông Sơn.

b. Về chi ngân sách:

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của ngân sách thành phố còn chậm, ước thực hiện hết Quý III/2022 đạt 36,6% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại hạn chế này là do bên cạnh những ảnh hưởng khách quan như tác động của dịch Covid-19; giá cả nguyên, nhiên, vật liệu tăng mạnh; quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cũng như các chính sách GPMB còn một số khó khăn, bất cập..... thì việc triển khai thực hiện GPMB và đầu tư hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị được giao còn thiếu quyết liệt, đồng bộ, tinh thần trách nhiệm chưa cao nên đã gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ hoàn thành và đấu giá các dự án do thành phố thực hiện cũng như ảnh hưởng lớn đến việc chậm giải ngân vốn đầu tư công thuộc NSTP trong 9 tháng đầu năm. Mặt khác đó là những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sát nhập Ban như: việc điều chỉnh chủ đầu tư; hoàn thiện các hồ sơ thanh toán, giải ngân vốn đầu tư của các dự án mất nhiều thời gian dẫn đến làm chậm tiến độ giải ngân của các dự án do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố làm chủ đầu tư.

II. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 3 tháng cuối năm.

1. Về nhiệm vụ:

1.1 Thu ngân sách:

a. Theo dự toán được UBND tỉnh giao: 101.896 triệu đồng

b. Theo dự toán được HĐND thành phố giao: 713.329 triệu đồng

Trong đó:

- Thu thường xuyên: 140.504 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 440.114 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 132.711 triệu đồng.

c. Chỉ tiêu phấn đấu (thu NSNN tăng 10% và số thu điều tiết NSTP tăng tối thiểu 5% so với dự toán HĐND thành phố giao): 818.041 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu thường xuyên: 245.216 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 440.114 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 132.711 triệu đồng.

d. Thời gian hoàn thành:

Trên cơ sở dự toán được UBND tỉnh, HĐND thành phố, BCH Đảng bộ thành phố giao và kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm; UBND thành phố đặt mục tiêu phấn đấu hoàn thành dự toán thu NSNN, thu NSDP trước ngày 30/11/2022.

1.2 Chi ngân sách:

- Tập trung chỉ đạo điều hành thu chi ngân sách để đảm bảo những nhiệm vụ chi thiết yếu của thành phố như: Chi cho con người, an sinh xã hội, đảm bảo xã hội, phòng chống dịch bệnh và các nhiệm vụ chi đột xuất khác của thành phố.
- Tăng cường giải ngân vốn đầu tư công thuộc NSTP, đảm bảo hoàn thành dự toán được HĐND thành phố giao.

2. Giải pháp thực hiện thu NSNN; thu, chi NSDP 3 tháng cuối năm.

2.1. Về thu NSNN và thu điều tiết NSDP:

Để hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2022, đảm bảo tổng thu NSNN tăng 10%, thu điều tiết NSTP tăng tối thiểu 5%; các cấp, các ngành, các phòng ban cần tập trung thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Các địa phương, đơn vị chủ động, quyết liệt, tập trung thực hiện các giải pháp về thu NSNN trong điều hành thu chi ngân sách năm 2022. Phối hợp chặt chẽ với ngành thuế trong việc triển khai các giải pháp thu NSNN trên địa bàn, đặc biệt là các khoản thu giao dự toán cho các phường, xã.

- Chi cục Thuế khu vực thành phố Thanh Hóa – Đông Sơn:

- + Chủ động, quyết liệt, tích cực trong việc thực hiện các giải pháp thu NSNN trên địa bàn. Thường xuyên, liên tục, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND thành phố tình hình thực hiện thu NSNN hàng tháng, dự báo ảnh hưởng của việc thực hiện Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 và Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 đến thu NSNN trên địa bàn để kịp thời có chỉ đạo thực hiện các giải pháp thu phù hợp. Tăng cường khai thác, tìm kiếm các nguồn thu để tăng nguồn thu, bù đắp hụt thu.

- + Khẩn trương hoàn thành việc xây dựng bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố làm cơ sở triển khai thu theo quy định, đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách trên địa bàn các phường, xã.

- Các đơn vị được giao triển khai thực hiện các dự án, nhất là các dự án nằm trong kế hoạch đầu giá năm 2022 của thành phố cần chủ động, quyết liệt, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công năm

2022 theo các chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố tại các văn bản đã ban hành. Đồng thời khẩn trương thực hiện rà soát, đánh giá và xây dựng tiến độ thực hiện gắn với kế hoạch giải ngân của từng dự án; chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn của các dự án được giao phù hợp tiến độ thực hiện; đảm bảo hoàn thành giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được giao.

- Tích cực phối hợp với Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh, Chi cục thuế khu vực thành phố Thanh Hóa – Đông Sơn theo dõi, đôn đốc tiến độ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của các dự án thực hiện giao đất trong năm 2022 (Dự án số 1 khu đô thị trung tâm thành phố Thanh Hóa, dự án Khu dân cư phía Đông đường CSEDP thuộc Khu dân cư Tây Nam đường Nguyễn Phục, phường Quảng Thắng,...) và các dự án đã đấu giá năm 2022 (Dự án Khu dân cư phường Đông Tân, thành phố Thanh Hóa thuộc Mặt bằng quy hoạch số 8315/QĐ-UBND ngày 17/8/2017, Dự án Khu dân cư Bắc cầu Sông, phường Nam Ngạn,...). Đồng thời triển khai thực hiện các dự án khai thác quỹ đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023.

2. Về chi ngân sách

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nguồn NSNN; kịp thời tháo gỡ các vướng mắc trong quản lý đầu tư và xây dựng, nhất là vướng mắc về GPMB các dự án trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức thực hiện dự toán chi theo hướng dẫn tại công văn số 12/TCKH-QLNS ngày 07/01/2022 của Phòng Tài chính kế hoạch thành phố hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi cho các nội dung kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước và thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên khác còn lại của năm 2022.

Trên đây là Báo cáo ước thực hiện thu NSNN; thu, chi NSĐP 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022 của thành phố Thanh Hóa (*Báo cáo này thay thế báo cáo số 1134/BC-UBND ngày 17/9/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa*)./.

Nơi nhận:

- Ban chấp hành Đảng bộ TP (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP (b/c);
- Trưởng các phòng, ban, đoàn thể TP;
- Lưu: VT

**TM. UBND THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Trịnh Huy Triều

**Biểu 01: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Thu ngân sách nhà nước					Thu điều tiết ngân sách thành phố			Ghi chú
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND Thành phố giao	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh		Dự toán HĐND thành phố giao	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh	
					So với DT tỉnh giao	So với DT HĐND TP giao				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)	(11)
	Tổng thu NSNN	2.501.173	3.112.606	2.399.277	96%	77%	2.254.312	1.495.661	66%	
*	<i>Thu không thường xuyên</i>	1.517.711	2.065.483	1.492.658	98%	72%	1.392.563	828.806	60%	
**	<i>Thu thường xuyên</i>	983.462	1.047.123	906.619	92%	87%	861.749	666.855	77%	
A	Cục thuế Thu	127.139	130.770	85.627	67%	65%	75.772	49.904	66%	
-	Phí môn bài	3.115	3.115	3.798	122%	122%	3.115	3.798	122%	
-	Thuế tài nguyên	5.706	5.706	2.527	44%	44%	5.706	2.527	44%	
-	Tiền thuê đất	97.330	100.961	65.093	67%	64%	47.815	30.699	64%	
-	Tiền cấp quyền KTKS	2.829	2.829	2.163	76%	76%	1.384	1.082	78%	
-	Phí BVMT đối với KTKS	1.359	1.359	828	61%	61%	951	580	61%	
-	Phí BVMT đối với nước thải SH	16.800	16.800	11.218	67%	67%	16.800	11.218	67%	
B	Chi cục thuế thành phố thu	1.967.742	2.573.044	2.048.631	104%	80%	1.780.998	1.195.211	67%	
I	Thu tiền sử dụng đất	1.150.000	1.697.772	1.257.658	109%	74%	1.024.852	593.806	58%	
-	Phần thu để chi đầu tư hạ tầng và GPMB các dự án khai thác quỹ đất	200.000	581.964	489.338	244,7%	84,1%	581.964	289.338	49,7%	
-	Phần thu phân chia các cấp NS	950.000	1.115.808	768.320	80,9%	68,9%	442.888	304.468	68,7%	
II	Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất	817.742	875.272	790.973	97%	90%	756.146	601.405	80%	
1	Thu từ các DNNN	4.050	4.050	2.807	69%	69%	0			
2	Thuế CTN NQD	339.000	364.000	363.401	107%	100%	361.248	268.738	74%	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	19.665	24.195	23.076	117%	95%	15.825	13.877	88%	
4	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	35.527	48.027	20.130	57%	42%	24.146	8.530	35%	
-	<i>Nộp tiền 1 lần</i>	7.500	20.000	464	6%	2%	6.000	139	2%	
-	<i>Nộp tiền hàng năm</i>	19.675	19.675	19.666	100%	100%	9.794	8.391	86%	
-	<i>Ghi thu ghi chi chi phí GPMB nhà đầu tư ứng trước</i>	8.352	8.352		0%	0%	8.352	0	0%	
5	Lệ phí trước bạ	289.000	299.000	214.644	74%	72%	243.822	174.325	71%	
-	<i>Trước bạ nhà đất</i>	50.000	50.000	37.616	75%	75%	44.622	32.703	73%	
-	<i>Trước bạ khác</i>	239.000	249.000	177.028	74%	71%	199.200	141.622	71%	

Biểu 02: ƯỚC CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán HĐND TP giao	Ước thực hiện 9 tháng	Tỷ lệ	
				So với dự toán HĐND giao	So với cùng kỳ
	TỔNG CỘNG	2.274.408	1.258.621	55,3%	98,5%
A	Chi ngân sách thành phố	2.155.053	1.169.105	54,2%	96,7%
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.024.852	375.000	36,6%	70,2%
Trở	Dự phòng đầu tư ngân sách	20.095		0,0%	0,0%
II	Chi thường xuyên	1.079.338	794.105	73,6%	118,8%
1	Chi quốc phòng	11.629	9.200	79,1%	102,3%
2	Chi an ninh	1.059	870	82,2%	88,8%
3	Chi sự nghiệp GD-ĐT	533.844	405.000	75,9%	118,4%
4	Chi sự nghiệp y tế	70.201	52.800	75,2%	94,3%
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin; PTTH, TDTT	14.474	11.200	77,4%	116,1%
6	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	99.441	75.300	75,7%	133,2%
7	Chi sự nghiệp kinh tế	114.611	84.500	73,7%	172,7%
8	Chi sự nghiệp môi trường	139.457	104.500	74,9%	114,8%
9	Chi QLNN, Đảng, đoàn thể	57.161	43.500	76,1%	93,6%
10	Chi khác ngân sách	10.000	3.500	35,0%	75,7%
11	Ghi thu ghi chi	8.352		0,0%	
12	Dự phòng TX ngân sách	19.109	3.735	19,5%	0,0%
IV	Chi cải cách tiền lương	30.768		0,0%	0,0%
B	Chi bổ sung cân đối NSPX	119.355	89.516	75,0%	129,6%

Biểu 03: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN CÁC PHƯỜNG, XÃ

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước			Thu điều tiết ngân sách phường, xã								
		Dự toán thu NSNN TP giao	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh ước TH/DT	Dự toán HĐND thành phố giao			Ước thực hiện 9 tháng			SS ước TH/DT (%)		
					Tổng số	Trong đó		Tổng thu NSNN	Trở		Tổng cộng	Trở	
						Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên		Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên		Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(9)/(6)	(13)=(10)/(7)	(14)=(11)/(8)
	Tổng số	586.633	641.364	109%	285.957	115.017	51.584	296.293	78.842	45.085	104%	69%	87%
1	An Hưng	19.580	14.048	72%	9.814	3.750	1.728	5.259	108	1.176	54%	3%	68%
2	Ba Đình	21.914	15.173	69%	4.780	0	3.351	3.701	5	2.603	77%		78%
3	Điện Biên	30.133	21.970	73%	9.865	4.858	3.398	4.309	221	2.705	44%	5%	80%
4	Đông Cương	14.687	11.982	82%	10.163	5.208	889	7.737	153	782	76%	3%	88%
5	Đông Hải	53.461	116.655	218%	24.355	19.199	3.219	21.030	5.315	5.977	86%	28%	186%
6	Đông Hương	54.173	36.548	67%	25.845	20.573	3.140	8.560	2.872	3.976	33%	14%	127%
7	Đông Lĩnh	7.533	7.721	102%	5.981	1.074	563	3.387	23	381	57%	2%	68%
8	Đông Sơn	14.022	10.047	72%	9.333	4.000	1.092	6.337	145	619	68%	4%	57%
9	Đông Tân	9.155	26.567	290%	4.741	0	995	9.617	6.395	645	203%		65%
10	Đông Thọ	38.340	36.551	95%	9.585	2.957	4.518	13.941	1.528	2.870	145%	52%	64%
11	Đông Vệ	43.763	45.575	104%	5.697	0	3.564	15.212	10.647	2.919	267%		82%
12	Hàm Rồng	13.056	5.582	43%	8.398	3.900	841	3.071	29	369	37%	1%	44%
13	Lam Sơn	31.181	26.618	85%	5.941	750	4.475	7.862	652	3.086	132%	87%	69%
14	Long Anh	10.880	6.337	58%	9.486	3.696	534	4.925	67	423	52%	2%	79%
15	Nam Ngạn	17.479	10.788	62%	10.825	5.513	1.279	4.632	401	1.446	43%	7%	113%
16	Ngọc Trạo	16.467	12.286	75%	4.843	0	1.847	5.916	199	884	122%		48%
17	Phú Sơn	13.050	16.441	126%	5.176	0	1.599	8.854	421	2.145	171%		134%
18	Quảng Cát	7.401	5.466	74%	6.656	1.781	323	4.392	-	949	66%	0%	294%
19	Quảng Đông	9.031	11.438	127%	6.876	2.308	566	8.993	-	513	131%	0%	91%
20	Quảng Hưng	19.787	13.825	70%	12.239	7.446	1.591	3.946	254	1.051	32%	3%	66%
21	Quảng Phú	10.359	8.474	82%	8.561	3.716	504	5.328	517	431	62%	14%	86%
22	Quảng Tâm	10.623	7.628	72%	7.584	3.089	711	4.560	1.106	759	60%	36%	107%
23	Quảng Thắng	9.913	20.258	204%	4.846	0	1.051	15.825	7.645	745	327%		71%
24	Quảng Thành	17.813	40.280	226%	8.105	3.237	1.645	31.344	27.654	1.233	387%	854%	75%

TT	Tên huyện	Thu ngân sách nhà nước			Thu điều tiết ngân sách phường, xã								
		Dự toán thu NSNN TP giao	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh ước TH/DT	Dự toán HĐND thành phố giao			Ước thực hiện 9 tháng			SS ước TH/DT (%)		
					Tổng số	Trong đó		Tổng thu NSNN	Trở		Tổng cộng	Trở	
						Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên		Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên		Thu tiền sử dụng đất	Thu thường xuyên
25	Quảng Thịnh	9.214	12.290	133%	4.596	0	826	7.974	951	662	173%		80%
26	Tân Sơn	12.166	13.272	109%	4.979	0	1.553	5.746	399	1.368	115%		88%
27	Tào Xuyên	10.294	9.290	90%	6.810	866	792	6.555	1.684	570	96%	194%	72%
28	Thiệu Dương	10.473	7.684	73%	9.067	3.964	456	5.553	-	563	61%	0%	123%
29	Thiệu Khánh	8.419	4.766	57%	7.619	2.827	381	4.194	15	156	55%	1%	41%
30	Trường Thi	11.655	16.654	143%	5.181	0	1.511	11.779	13	831	227%		55%
31	Xã Đông Vinh	10.389	13.293	128%	8.772	4.537	717	10.785	395	740	123%	9%	103%
32	Xã Hoàng Đại	8.729	22.873	262%	8.595	4.115	420	22.637	8.848	614	263%	215%	146%
33	X. Hoàng Quang	6.895	3.897	57%	6.385	1.653	796	3.328	-	425	52%	0%	53%
34	Xã Thiệu Vân	4.598	9.087	198%	4.258	-	709	9.004	180	469	211%		66%

Ghi chú: Số thu thường xuyên của phường Quảng Cát đạt cao (ước thực hiện 9 tháng 949 triệu đồng, đạt 294% so với dự toán được giao) là do phát sinh khoản thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công 626 triệu đồng.

Biểu 04: BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI NSDP 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 CỦA CÁC PHƯỜNG, XÃ

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên huyện	Dự toán chi NSPX TP giao			Ước chi 9 tháng			So sánh với dự toán		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Chi đầu tư	Chi thường xuyên		Chi đầu tư	Chi thường xuyên		Chi đầu tư	Chi thường xuyên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số	285.957	115.017	170.940	247.312	131.075	116.237	86%	114%	68%
1	An Hưng	9.814	3.750	6.064	5.161	1.066	4.095	53%	28%	68%
2	Ba Đình	4.780	0	4.780	2.835		2.835	59%		59%
3	Điện Biên	9.865	4.858	5.007	4.527	1.414	3.113	46%	29%	62%
4	Đông Cương	10.163	5.208	4.955	6.233	3.000	3.233	61%	58%	65%
5	Đông Hải	24.355	19.199	5.156	13.206	9.380	3.826	54%	49%	74%
6	Đông Hương	25.845	20.573	5.272	3.802	376	3.426	15%	2%	65%
7	Đông Lĩnh	5.981	1.074	4.907	3.430	0	3.430	57%	0%	70%
8	Đông Sơn	9.333	4.000	5.333	6.809	2.822	3.987	73%	71%	75%
9	Đông Tân	4.741	0	4.741	15.461	11.916	3.545	326%		75%
10	Đông Thọ	9.585	2.957	6.628	12.290	8.153	4.137	128%	276%	62%
11	Đông Vệ	5.697	0	5.697	4.914	155	4.759	86%		84%
12	Hàm Rồng	8.398	3.900	4.498	3.262	0	3.262	39%	0%	73%
13	Lam Sơn	5.941	750	5.191	7.229	3.835	3.394	122%	511%	65%
14	Long Anh	9.486	3.696	5.790	4.725	606	4.119	50%	16%	71%
15	Nam Ngạn	10.825	5.513	5.312	3.521	0	3.521	33%	0%	66%
16	Ngọc Trạo	4.843	0	4.843	5.890	2.724	3.166	122%		65%
17	Phú Sơn	5.176	0	5.176	6.734	3.609	3.125	130%		60%
18	Quảng Cát	6.656	1.781	4.875	4.469	1.013	3.456	67%	57%	71%
19	Quảng Đông	6.876	2.308	4.568	9.216	5.627	3.589	134%	244%	79%
20	Quảng Hưng	12.239	7.446	4.793	3.913	377	3.536	32%	5%	74%
21	Quảng Phú	8.561	3.716	4.845	6.563	3.355	3.208	77%	90%	66%
22	Quảng Tâm	7.584	3.089	4.495	10.826	7.987	2.839	143%	259%	63%
23	Quảng Thắng	4.846	0	4.846	8.887	6.023	2.864	183%		59%
24	Quảng Thành	8.105	3.237	4.868	9.513	6.328	3.185	117%	195%	65%
25	Quảng Thịnh	4.596	0	4.596	9.262	6.010	3.252	202%		71%
26	Tân Sơn	4.979	0	4.979	5.171	1.683	3.488	104%		70%
27	Tào Xuyên	6.810	866	5.944	4.657	755	3.902	68%	87%	66%
28	Thiệu Dương	9.067	3.964	5.103	4.865	928	3.937	54%	23%	77%
29	Thiệu Khánh	7.619	2.827	4.792	4.835	1.654	3.181	63%	59%	66%
30	Trường Thi	5.181	0	5.181	11.428	8.402	3.026	221%		58%
31	Xã Đông Vinh	8.772	4.537	4.235	12.104	9.210	2.894	138%	203%	68%
32	Xã Hoàng Đại	8.595	4.115	4.480	19.535	16.725	2.810	227%	406%	63%
33	X. Hoàng Quang	6.385	1.653	4.732	3.545	209	3.336	56%	13%	70%
34	Xã Thiệu Vân	4.258	0	4.258	8.494	5.733	2.761	199%		65%

PHỤ LỤC**BÁO CÁO CHI TIẾT SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ***(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày / 9/2022 của UBND thành phố Thanh Hóa)**Đơn vị tính: Đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
I	Dự toán đầu năm		19.108.000.000	
II	Dự toán được phân bổ, sử dụng		15.286.000.000	
	<i>80% dự toán đầu năm được phân bổ</i>		<i>15.286.000.000</i>	
III	Dự toán sử dụng		3.734.720.200	
1	Kinh phí phòng, chống dịch Covid 19		529.347.200	
-	Kinh phí tuyên truyền Covid-19	Trung tâm VH TT & DL thành phố	69.400.000	
-	Kinh phí đảm bảo vật tư cho tiêm vacxin phòng Covid-19 cho 51.745 trẻ từ 5- 12 tuổi (103.490 liều vắc xin)	Trung tâm y tế thành phố	315.491.200	
-	Kinh phí đảm bảo vật tư cho tiêm vacxin phòng Covid-19 nhắc lại lần 2 - mũi 4 (110.115 liều vắc xin)	Trung tâm y tế thành phố	144.456.000	
2	Kinh phí Quốc phòng		779.773.000	
-	Kinh phí đảm bảo điều động dân quân cơ động trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ dịp lễ Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4) và Quốc tế Lao động (01/5) trên địa bàn thành phố	Ban CHQS thành phố	304.416.000	
-	KP hội thao Trung đội dân quân cơ động các phường, xã; cấp thành phố, cấp tỉnh năm 2022	Ban CHQS	334.890.000	
-	KP huấn luyện Quân báo nhân dân	Ban CHQS thành phố	140.467.000	
3	Kinh phí An ninh		653.600.000	
-	Hỗ trợ kinh phí tuần tra vũ trang, tuần tra nhân dân đảm bảo an ninh trật tự cao điểm trước, trong và sau lễ ngày 19/8 và Quốc khánh 02/9 năm 2022	Công an thành phố	653.600.000	
4	Chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ		1.772.000.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 1)	Phòng LĐ, TB & XH	37.000.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động quay trở lại thị trường lao động (đợt 1)	Phòng LĐ, TB & XH	7.000.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 2)	Phòng LĐ, TB & XH	6.000.000	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 3)	Phòng LĐ,TB & XH	10.500.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 4)	Phòng LĐ,TB & XH	14.000.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 5)	Phòng LĐ,TB & XH	47.500.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 6)	Phòng LĐ,TB & XH	98.500.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 7)	Phòng LĐ,TB & XH	109.000.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 8)	Phòng LĐ,TB & XH	353.500.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 9)	Phòng LĐ,TB & XH	546.500.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 10)	Phòng LĐ,TB & XH	534.500.000	
-	Hỗ trợ tiền thuê nhà người lao động đang làm việc trong DN (đợt 11)	Phòng LĐ,TB & XH	8.000.000	
IV	Dự toán còn lại (II-III)		11.551.279.800	